

Số: /2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội bao gồm các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là các tổ chức tín dụng nhà nước). Các tổ chức tín dụng nhà nước không phải thực hiện quy định về duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) quyết định kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Hàng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước có trách nhiệm duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước.

2. Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước bao gồm:

a) Tiền gửi của tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam) và cá nhân tại tổ chức tín dụng nhà nước dưới các hình thức: tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi vốn chuyên dùng;

b) Tiền tổ chức tín dụng nhà nước thu được từ phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu;

c) Tiền gửi khác tại tổ chức tín dụng nhà nước theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận (trừ tiền ký quỹ; tiền gửi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam).

3. Xử lý các trường hợp bổ sung, rút bớt hoặc rút toàn bộ số dư tiền gửi 2% của tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Trường hợp số dư tiền gửi 2% phải duy trì trong năm kế tiếp lớn hơn số dư tiền gửi 2% của năm trước, thì tổ chức tín dụng nhà nước phải bổ sung số dư tiền gửi 2% bằng số tiền chênh lệch lớn hơn;

b) Trường hợp số dư tiền gửi 2% phải duy trì trong năm kế tiếp nhỏ hơn số dư tiền gửi 2% của năm trước, thì tổ chức tín dụng nhà nước được rút bớt số tiền gửi 2% bằng với số chênh lệch nhỏ hơn hoặc tiếp tục duy trì số dư tiền gửi 2% của năm trước;

c) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt khi đang duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội, thì tổ chức tín dụng nhà nước được rút toàn bộ số dư tiền gửi này tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

d) Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam được xác định như sau:

Lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội (%/năm)	=	Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước (%/năm)	+	Phí huy động vốn (%/năm)
(a)		(b)		(c)

Trong đó:

(b) Là bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước, được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

(c) Là chi phí huy động vốn bình quân do Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng nhà nước thỏa thuận nhưng tối đa là 1,3%/năm.

2. Căn cứ biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư do các tổ chức tín dụng nhà nước gửi, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) tính toán mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội trước ngày 31 tháng 01 hằng năm để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong năm.

3. Trường hợp lãi suất huy động vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước có sự biến động lớn so với lãi suất tại thời điểm thông báo trước đó, Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng nhà nước hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội và thông báo cho các tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi trong thời gian còn lại trong năm. Lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung điều chỉnh là lãi suất bình quân chung của lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng nhà nước tại thời điểm ngay trước thời điểm điều chỉnh, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền lãi suất các loại nguồn vốn huy động quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

4. Kỳ tính lãi tiền gửi do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với các tổ chức tín dụng nhà nước phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Điều 5. Thủ tục gửi tiền, rút tiền tại Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Các tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo hợp đồng tiền gửi và các phụ lục hợp đồng được ký giữa tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Chậm nhất ngày 01 tháng 3 hằng năm, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày lập báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của tổ chức tín dụng nhà nước, căn cứ vào báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt trong khi đang duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tắt toán hợp đồng tiền gửi trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước quyết định kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng nhà nước được rút toàn bộ số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày tắt toán hợp đồng tiền gửi.

5. Trường hợp tổ chức tín dụng nhà nước được chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng nhà nước thực hiện duy trì số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Thông tư này kể từ năm tiếp theo năm tổ chức tín dụng nhà nước được Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng nhà nước

a) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu số dư nguồn vốn huy động và lãi suất huy động đối với từng kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) hoặc khi Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, tổ chức tín dụng nhà nước gửi biểu xác định số dư tiền gửi trong năm theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Chính sách xã hội;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu gửi Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội;

d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội đúng thời hạn.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Phối hợp với các tổ chức tín dụng nhà nước hoàn thành việc bổ sung phụ lục hợp đồng tiền gửi, bổ sung hoặc rút bớt số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội đúng thời hạn;

b) Báo cáo kết quả việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) chậm nhất vào ngày 05 tháng 3 hằng năm;

c) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội hoàn tất việc rà soát, điều chỉnh số dư tiền gửi 2% trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) về việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm

a) Tính toán và thông báo mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam bình quân chung để làm cơ sở xác định lãi suất tiền gửi 2%;

b) Đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình triển khai Thông tư này.

2. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế phối hợp theo dõi tình hình duy trì số dư tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi và phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách nhà nước.

3. Cơ quan Thanh tra giám sát, ngân hàng có trách nhiệm

a) Theo dõi, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ kết luận thanh tra, thông báo nội dung vi phạm, việc xử lý vi phạm quy định tại Thông tư này (nếu có) tới các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước để biết, phối hợp xử lý theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Thông tư số 41/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-NHNN ngày 19 tháng 11 năm 2013.

3. Đối với các hợp đồng tiền gửi được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tiền gửi phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, Vụ CSTT.

THÔNG ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng

Tên tổ chức tín dụng nhà nước:.....

PHỤ LỤC 01
BIỂU SƠ DƯ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG VÀ LÃI SUẤT HUY ĐỘNG BẢNG ĐỒNG VIỆT NAM
Năm...

STT	Chỉ tiêu	Số dư (triệu đồng)	Lãi suất bình quân (%/năm)	Ghi chú
I	Tiền gửi			
1	Tiền gửi không kỳ hạn			
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng			
3	Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng			
4	Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
5	Tiền gửi vốn chuyên dùng			
6	Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn			
7	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 6 tháng			
8	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng			
9	Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên			
10	Tiền gửi khác			
II	Phát hành giấy tờ có giá (chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu) có thời hạn phát hành dưới 12 tháng			
1	Chứng chỉ tiền gửi			
2	Kỳ phiếu			
3	Tín phiếu			
III	Phát hành giấy tờ có giá có thời hạn phát hành từ 12 tháng trở lên			
1	Chứng chỉ tiền gửi			
2	Kỳ phiếu			
3	Tín phiếu			
4	Trái phiếu			

Người lập biểu

Kiểm soát

....., ngày tháng năm

Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

- Đối tượng báo cáo: Các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt).
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Phương thức gửi, nhận báo cáo: TCTD nhà nước báo cáo bằng văn bản giấy theo hình thức gửi trực tiếp hoặc bản scan gửi vào địa chỉ thư điện tử cstt6@sbv.gov.vn.
- Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.
- Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 024.38246952.

Tên tổ chức tín dụng nhà nước :.....

PHỤ LỤC 02
BIỂU XÁC ĐỊNH SỐ DƯ TIỀN GỬI 2%
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Năm...

STT	Nội dung	Số dư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam đến 31/12 năm trước		
1.1	Tiền gửi		
1.2	Phát hành giấy tờ có giá có thời hạn phát hành dưới 12 tháng		
1.3	Phát hành giấy tờ có giá có thời hạn phát hành từ 12 tháng trở lên		
2	Tỷ lệ tiền gửi 2%		
3	Số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong năm kế tiếp ($3 = 1 * 2\%$)		
4	Số dư tiền gửi 2% tại Ngân hàng Chính sách xã hội đến 31/12 năm trước		

Người lập biểu

Kiểm soát

....., ngày tháng năm

Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập biểu:

- Đối tượng báo cáo: Các ngân hàng thương mại do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (trừ tổ chức tín dụng nhà nước được kiểm soát đặc biệt).
- Đơn vị nhận báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.
- Ghi họ tên và số điện thoại của người lập biểu để trả lời các vấn đề tại báo cáo.

PHỤ LỤC 03
MẪU BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN VIỆC DUY TRÌ TIỀN GỬI 2%

NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

V/v báo cáo việc duy trì
số dư tiền gửi 2% tại NHCSXH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) xin báo cáo Ngân hàng Nhà nước (NHNN) kết quả việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các TCTD Nhà nước tại NHCSXH năm 20... như sau:

Theo báo cáo của các tổ chức tín dụng (TCTD) nhà nước tại Phụ lục 02, số dư tiền gửi 2% tại NHCSXH năm 20... (năm hiện tại) là tỷ đồng, chênh lệch số tiền gửi các TCTD nhà nước phải bổ sung (hoặc rút bớt) là tỷ đồng.

Mức phí huy động vốn do NHCSXH và các TCTD thỏa thuận áp dụng cho năm 20... là ...%/năm. Như vậy, lãi suất huy động tiền gửi 2% của TCTD nhà nước tại NHCSXH áp dụng cho năm 20... là%/năm.

Đến ngày ..., tình hình duy trì tiền gửi 2% của các TCTD nhà nước năm 20... như sau:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Số dư tiền gửi 2% năm trước (triệu đồng)	Số dư tiền gửi 2% phải thực hiện năm nay (triệu đồng)	Số dư tiền gửi 2% đến ngày báo cáo (triệu đồng)
01				
02				
03				
04				

Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên (Vụ CSTT, Cơ quan TTGSNH, Vụ TDCNKT);
-
-
- Lưu: VT,.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

PHỤ LỤC 04
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ DUY TRÌ TIỀN GỬI 2%
SAU BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TCTD

NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

V/v báo cáo kết quả việc duy trì
 tiền gửi 2% sau báo cáo
 kiểm toán BCTC của TCTD

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện khoản 2, Điều 8 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thông tư số/2021/TT-NHNN ngày của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định việc các tổ chức tín dụng (TCTD) nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), NHCSXH xin báo cáo NHNN kết quả việc duy trì số dư tiền gửi 2% của các TCTD Nhà nước tại NHCSXH năm 20... như sau:

Trên cơ sở báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính của các TCTD nhà nước, đến ngày..., kết quả duy trì tiền gửi 2% của các TCTD nhà nước năm 20... như sau:

STT	Tên tổ chức tín dụng	Số dư tiền gửi 2% trước báo cáo tài chính được kiểm toán (triệu đồng)	Số dư tiền gửi 2% sau khi điều chỉnh theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán (triệu đồng)
01			
02			
03			
04			

Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên (Vụ CSTT, Cơ quan TTGSNH, Vụ TDCNKT);
-
-
- Lưu: VT,.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên